

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 91A/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 29/01 /2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)*

Tên ngành, nghề: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)

Mã ngành, nghề: 5480202

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy, tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: 0,5 năm (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ thuật viên công nghệ thông tin trình độ trung cấp có kiến thức cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin, có kỹ năng chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có ý thức rèn luyện, tổ chức kỷ luật tốt, có tác phong công nghiệp, có khả năng thích ứng với sự phát triển của công nghệ và môi trường công việc để đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành
- + Hiểu được cấu trúc máy tính, các mạch cấu tạo, các thành phần bên trong máy tính
- + Hiểu được thông số kỹ thuật của các thành phần trong máy tính
- + Nắm vững được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ; quản trị hệ thống mạng các doanh nghiệp.
- + Đánh giá được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị để đưa ra giải pháp xử lý.

- + Biết thiết kế giao diện website, quản trị nội dung website

- Kỹ năng:

- + Xây dựng phần mềm hoàn thiện
- + Thiết kế web tĩnh, web động và quản trị website
- + Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản và nâng cao
- + Biết cài đặt các phần mềm thông dụng, cài đặt hệ điều hành và các phần mềm chuyên dụng khác.

- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;
- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;
- + Tuân thủ quy định về an toàn lao động
- + Có trách nhiệm với công việc được giao
- + Luôn nâng cao tay nghề, rèn luyện ý thức kỷ luật tốt.

- Chính trị, đạo đức:

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;
- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;
- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;
- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Làm công việc văn phòng, nhân viên phòng nhân sự, phòng đào tạo

- Thiết kế giao diện website, quản trị nội dung website cho các doanh nghiệp
- Cài đặt và sửa chữa máy tính, điện thoại thông minh
- Thiết kế đồ họa, thiết kế quảng cáo;
- Quản lý phòng Internet;
- Thiết kế hệ thống mạng và quản trị hệ thống mạng
- Kỹ thuật viên tin học trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức doanh nghiệp
- Kỹ thuật viên kiểm thử phần mềm tại các công ty giải pháp phần mềm

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 21
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1440 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1185 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 469 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 891 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, modun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
POL121(MH)	Chính trị	2	30	15	13	2
LAW121(MH)	Pháp luật	1	15	9	5	1
PHE121(MH)	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MIE141(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
GIF131(MH)	Tin học	2	45	15	29	1
ENG131(MH)	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
	Tổng (I)	12	255	94	148	13
II	Các môn học, mo đun chuyên môn ngành, nghề					
II.1	Môn học, mô đun sơ sở					
BEL231(MH)	Điện tử cơ bản	3	75	15	55	5
OSW231(MĐ)	Hệ điều hành Windows	3	75	15	55	5
DAT231(MH)	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	26	4

NET231(MH)	Mạng máy tính	3	60	30	26	4
BPR231(MH)	Lập trình căn bản	3	60	30	26	4
	Tổng (II.1)	15	330	120	188	22
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề					
ADS331(MĐ)	Phân tích TK hệ thống	3	60	30	26	4
DWE341(MĐ)	Thiết kế Web	4	90	30	54	6
DMU331(MĐ)	Thiết kế đa phương tiện	3	75	15	55	5
NAS341(MĐ)	Quản trị hệ thống mạng máy tính	4	90	30	54	6
GAP331(MĐ)	Đồ họa ứng dụng	3	60	30	26	4
MSD331(MĐ)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	75	15	55	5
EAD331(MĐ)	Excel nâng cao	3	60	30	26	4
PWE341(MĐ)	Lập trình website	4	90	30	54	6
SMT341(MĐ)	Bảo trì hệ thống	4	90	30	54	6
ITE441(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	4	180	0	180	
	Tổng (II.2)	35	870	240	584	46
	Tổng (II)	50	1200	360	772	68
	Tổng cộng	62	1455	454	920	81

Ghi chú:

- **Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ:** 62%.

- **Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế:** (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập trải nghiệm): 1691 giờ. (Trong đó: Giờ thực tập trải nghiệm = 800 giờ).

- **Quy định về thời lượng:**

+) 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận + 15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 1 giờ học lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- **Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:**

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp > 10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG131(MH)	Ngoại ngữ	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
BEL231(MH)	Điện tử cơ bản	Thực hành	3	75	15	55	5	75			
OSW231(MĐ)	Hệ điều hành Windows	Thực hành	3	75	15	55	5	75			
DAT231(MH)	Cơ sở dữ liệu	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			

NET231(MH)	Mạng máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
BPR231(MH)	Lập trình căn bản	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
	Tổng (II.1)		15	330	120	188	22	330	0	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
ADS331(MĐ)	Phân tích TK hệ thống	Tích hợp	3	60	30	26	4		60		
DWE341(MĐ)	Thiết kế Web	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
DMU331(MĐ)	Thiết kế đa phương tiện	Thực hành	3	75	15	55	5		75		
NAS341(MĐ)	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
GAP331(MĐ)	Đồ họa ứng dụng	Thực hành	3	60	30	26	4		60		
MSD331(MĐ)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tích hợp	3	75	15	55	5			75	
EAD331(MĐ)	Excel nâng cao	Thực hành	3	60	30	26	4			60	
PWE341(MĐ)	Lập trình website	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
SMT341(MĐ)	Bảo trì hệ thống	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
ITE441(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	Thực hành	4	180	0	180					180
	Tổng (II.2)		35	870	240	584	46	0	375	315	180
	Tổng II		50	1200	360	772	68	330	375	315	180
Tổng cộng			62	1455	454	920	81	420	495	360	180
	Tổng giờ theo HK							420	495	360	180

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG131(MH)	Ngoại ngữ	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
BEL231(MH)	Điện tử cơ bản	Thực hành	3	75	15	55	5	75			
OSW231(MĐ)	Hệ điều hành Windows	Thực hành	3	75	15	55	5	75			
DAT231(MH)	Cơ sở dữ liệu	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			

NET231(MH)	Mạng máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
BPR231(MH)	Lập trình căn bản	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
	Tổng (II.1)		15	330	120	188	22	330	0	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
ADS331(MĐ)	Phân tích TK hệ thống	Tích hợp	3	60	30	26	4		60		
DWE341(MĐ)	Thiết kế Web	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
DMU331(MĐ)	Thiết kế đa phương tiện	Thực hành	3	75	15	55	5		75		
NAS341(MĐ)	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
GAP331(MĐ)	Đồ họa ứng dụng	Thực hành	3	60	30	26	4		60		
MSD331(MĐ)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tích hợp	3	75	15	55	5			75	
EAD331(MĐ)	Excel nâng cao	Thực hành	3	60	30	26	4			60	
PWE341(MĐ)	Lập trình website	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
SMT341(MĐ)	Bảo trì hệ thống	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
	Học văn hóa	Lý thuyết	4	180	0	180					180
	Tổng (II.2)		35	870	240	584	46	0	375	315	180
	Tổng II		50	1200	360	772	68	330	375	315	180
Tổng cộng			62	1455	454	920	81	420	495	360	180
	Tổng giờ theo HK							420	495	360	180

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của nghề trung cấp Công nghệ thông tin (*Ứng dụng phần mềm*) được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung (06 môn) được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (*gọi tắt là Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (*gọi tắt là Quyết định 654*).

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng